TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/KDTM-PT
Ngày: 06/5/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**
Các thẩm phán: **Bà Lê Thúy Linh**
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Hồng Hòa** - Thư ký TAND thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4 + 06/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2021/KDTM-PT ngày 11/01/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng kinh tế". Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 71/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2021/QĐXXPT-KDTM ngày 30/3/2021 và các quyết định hoãn phiên tòa số 174/2021/QĐ-HPT ngày 08/4/2021 và 199/2021/QĐ-HPT ngày 19/4/2021, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh

Địa chỉ: Số 379/2A KDC Đông An, phường Tân Đồng Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Hoàng Văn Tuyên** - Chức vụ: Giám đốc Công ty

Luật sư **Trần Anh Tú** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn

Bị đơn: Công ty TNHH Thái Dương (Nay là Công ty cổ phần đầu tư sản xuất tổng hợp Thái Dương)

Địa chỉ: Số 2 Nam Tràng (186 Trấn Vũ), phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Lâm Thị Lịch** - Chức vụ: Kế toán

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: **Luật sư Trần Chí Thanh và Nguyễn Thị Nhung** - Văn phòng luật sư Tâm Đức.

Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh

(Các đương sự và luật sư Thanh, luật sư Nhung có mặt; Luật sư Tú vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn tại Tòa:

Ngày 01/12/2015, Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh (Gọi tắt là Công ty

Thiên Phúc Vinh) và Công ty TNHH Thái Dương (Đã thay đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương - Gọi tắt là Công ty Thái Dương) ký kết Hợp đồng kinh tế số 69/2015/SUNCO-TPV (Gọi là Hợp đồng 69). Nội dung hợp đồng thể hiện việc Công ty Thái Dương bán cho Công ty Thiên Phúc Vinh hàng hóa là dây nhôm đã bóc tách sắt và tạp chất thu hồi của Tổng công ty Điện Lực Miền Nam do Công ty Thái Dương trúng thấu; Số lượng là 1000 tấn dây nhôm trần thu hồi của Tổng công ty Điện Lực Miền Nam; Đơn giá: 29.000.000 đ/tấn; Giá trị hợp đồng là 29.000.000.000đ (Chưa bao gồm thuế VAT); Đơn giá là cố định, số lượng là tạm tính, số lượng cụ thể căn cứ vào biên bản giao nhận thực tế tại các kho của Tổng công ty Điện Lực Miền Nam kèm theo các chứng từ: Phiếu xuất kho và Biên bản giao nhận; số lượng hàng hóa theo bảng kê chi tiết đính kèm, tỷ lệ quy đổi nhôm trần lõi thép được tính theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 5064 của từng phần để hai bên loại trừ về tỷ lệ quy đổi; Thanh toán, tạm ứng: Bên mua tạm ứng cho bên bán 10.000.000.000đ ngay sau khi ký hợp đồng, số tiền này sẽ cấn trừ vào tiền hàng Công ty Thiên Phúc Vinh nhận từng đợt. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về thời hạn thực hiện Hợp đồng; Phương thức giao nhận hàng và trách nhiệm của các bên.

Thực hiện Hợp đồng, ngày 05/12/2015, Công ty Thiên Phúc Vinh đã 2 lần chuyển khoản tạm ứng cho Công ty Thái Dương, tổng cộng là 23.500.000.000đ. Công ty Thiên Phúc Vinh đã nhận của Tổng công ty Điện lực Miền Nam số lượng dây cáp điện là 935,180 kg tính theo tỷ lệ quy đổi mà hai bên đã thống nhất. Trong đó: Dây nhôm 673,417kg và lõi thép bện và tạp chất 261,763 kg. Giá trị của 673,417kg dây nhôm là: 19.529.080.438 đồng, còn số 261,763 kg lõi thép bện và tạp chất (Nguyên đơn hiểu là mỡ) vì hợp đồng không có thỏa thuận nên Nguyên đơn không trả lõi thép bện cho phía Bị đơn. Tiền đã chuyển và hàng thực tế nhận chênh lệch là 3.970.919.562 đồng,

Ngày 14/3/2016, ông Hoàng Văn Tuyên - Đại diện của Công ty Thiên Phúc Vinh đến trụ sở của Công ty Thái Dương làm việc, hai bên đã thống nhất về giá tiền hàng là 19.529.080.438 đồng; Công ty Thiên Phúc Vinh đã tạm ứng số tiền 23.500.000.000 đồng; chệnh lệch giữa tiền đã chuyển và hàng đã nhận là 3.970.919.562 đồng. Hai bên thống nhất số tiền này Công ty Thái Dương phải chịu lãi suất 10% tính từ ngày 23/12/2015 thành 99.460.000 đồng trong Biên bản đối chiếu công nợ. Mặt sau của Biên bản nêu trên, bà Lịch (Đại diện của Công ty Thái Dương) có ghi ra các mục, Nguyên đơn lý giải từng mục như sau:

+ Thống nhất tỷ lệ % tính theo bảng hai bên đã chốt. Tức là hai bên đã thống nhất về biên bản xác nhận hệ số quy đổi theo TCVN.

+ Giá trị tiền nhôm trần là 19.529.080.438 đồng. Bị đơn xác nhận về giá trị hàng Nguyên đơn đã nhận.

+ Đã tạm ứng 23.500.000.000 đồng. Bị đơn xác nhận số tiền nguyên đơn đã tạm ứng.

+ Chênh lệch giá nhôm lõi thép là 3.970.000.000 đồng, tính bù trừ tạm ứng 23.500.000.000 đồng tiền nhôm. Chênh lệch giá nhôm lõi thép 3.970.000.000 đồng. Đây là mục bị đơn tự xác nhận sau khi đối trừ tiền ứng và hàng.

+ Lãi vay tính bù trừ còn 3.970.000.000 đồng tính theo lãi suất ngân hàng.

+ Khoản nợ cũ năm trước anh Vinh còn thiếu theo giấy đề nghị thanh toán, anh Vinh xem lại để thanh toán dứt điểm hai bên.

+ Thái Dương và bên anh Vinh có điều gì chưa rõ thì phản hồi trong vòng 05 ngày nếu không có gì. Mục này Bị đơn ghi vậy nhưng cũng không có phản hồi gì.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán: 3.970.919.562 đồng tiền hàng chênh lệch và số tiền lãi chậm trả, tổng cộng 4.070.379.562 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Bị đơn buộc Nguyên đơn phải trả lại 261,763 kg lõi thép bện, tạm tính thành tiền là 5.346.168.983 đồng. Nguyên đơn không chấp nhận vì hai bên không có thỏa thuận trong hợp đồng. Hóa đơn giá trị gia tăng của Bị đơn xuất trình cho Tòa án chưa được kiểm chứng, không có căn cứ để xác định mức giá trong đó. Biên bản đối chiếu công nợ Bị đơn không ghi cụ thể khoản nợ nào, nên không có căn cứ cho là của Hợp đồng không số năm 2013.

Số tiền 551.611.449 đồng mà Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn thanh toán theo Hợp đồng không số năm 2013 không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên không chấp nhận. Thời hạn nộp đơn phản tố của Bị đơn không đúng theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự nên không giải quyết trong cùng vụ án, Bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại phiên Tòa sơ thẩm: Nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi của số tiền Bị đơn chưa thanh toán từ thời điểm chốt nợ đến thời điểm Tòa án xét xử theo mức lãi suất là 10%/năm.

* **Bị đơn - Công ty TNHH Thái Dương (Đã thay đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương - Công ty Thái Dương)** thừa nhận có ký kết Hợp đồng kinh tế số 69 với Công ty Thiên Phúc Vinh, nội dung hợp đồng và đã nhận 23.500.000.000đ do Công ty Thiên Phúc Vinh chuyển. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Thiên Phúc Vinh đã nhận số lượng dây cáp điện ACRS là 935,180kg tính theo tỷ lệ quy đổi như đã thống nhất (Biên bản xác nhận hệ quy đổi theo tiêu chuẩn Việt Nam hai bên ký kết 14/3/2016). Thế nhưng Công ty Thiên Phúc Vinh còn nợ 261,763 kg lõi thép bện chưa trả lại.

Việc Công ty Thiên Phúc Vinh cho rằng các bên đã đối chiếu công nợ tại trụ sở Công ty Thái Dương là không đúng, mà là đối chiếu ở ngoài nên không có các giấy tờ, sổ sách để đối chiếu và chính thức ký biên bản đối chiếu công nợ. (Người đối chiếu hôm đó là bà Lâm Thị Lịch nhưng không phải người đại diện hợp pháp của Công ty Thái Dương), Công ty Thiên Phúc Vinh đưa tờ dự thảo biên bản đối chiếu công nợ đã đánh máy trước đề ngày 14/3/2016. Sau khi xem nội dung thì bà Lịch có ý kiến và ghi ra mặt sau của biên bản đối chiếu công nợ các mục như Nguyên đơn đã trình bày.

Việc Công ty Thiên Phúc Vinh căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ tạm thời ngày 14/03/2016 để khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán trả số tiền là: 4.070.397.562 đồng là không đúng. Bởi căn cứ vào hợp đồng số 69 kèm theo bản xác nhận khối lượng hàng hóa, Công ty Thiên Phúc Vinh đã nhận của Công ty Thái Dương 673.416,57 kg (làm tròn) là 673,417 x 29.000đ/kg = 19.529.093.000 đồng; Lõi thép bện 261,763kg Công ty Thiên Phúc Vinh chưa trả nên Công ty Thái Dương tạm tính thành tiền 261,763 x 18.567đồng/kg = 5.346.168.983 đ. Công ty Thiên Phúc Vinh đã tạm ứng 23.500.000.000đ trừ số hàng hóa cùng giá trị lõi thép bện thì Công ty Thiên Phúc Vinh còn nợ Công ty Thái Dương là 1.965.823.979 đồng. Công ty Thái Dương không nợ Công ty Thiên Phúc Vinh tiền nên không phải trả lãi.

Bên cạnh đó, theo Hợp đồng không số năm 2013 thì Công ty Thiên Phúc

Vinh còn nợ Công ty Thái Dương 551.611.449 đồng. Do vậy, Công ty Thiên Phúc Vinh phải trả tổng cộng là 2.517.435.478 đồng. Công ty Thái Dương không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền trên. Việc Công ty Thiên Phúc Vinh cho rằng hai bên xác nhận hợp đồng không số năm 2013 ngày 20/01/2013, Công ty Thiên Phúc Vinh đã thanh toán xong trước khi ký kết Hợp đồng số 69 là không đúng.

Tại phiên Tòa sơ thẩm: Bị đơn giải trình thời điểm biết việc khởi kiện của Nguyên đơn và có yêu cầu phản tố muộn là do thời điểm năm 2014 Công ty Thái Dương phải chuyển trụ sở làm việc từ nhà số 2 Nam Tràng (186 Trấn Vũ), phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội) về hoạt động tại địa chỉ là Nhà máy của Công ty ở địa chỉ: Lô lC N5 cụm Công nghiệp Từ Liêm, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội do nơi làm việc (Theo đăng ký kinh doanh) bị mưa lớn, dột nát và ảnh hưởng do việc kè hồ cũ để trống, không người quản lý. Vì vậy, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Bị đơn không biết, Công ty Thiên Phúc Vinh (Nguyên đơn) không hề thông báo hay gửi hồ sơ khởi kiện thông báo cho Công ty Thái Dương. Các văn bản tống đạt của Tòa án niêm yết cho Công ty Thái Dương đều ở địa chỉ cũ nên Công ty không biết để tham gia tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thừa phát lại đến tống đạt và ghi lý do không tống đạt được cho Công ty Thái Dương là do nhân viên Công ty Thái Dương không nhận là không đúng bởi ông Dương Anh Tuấn, vợ là bà Lâm Thị Lịch (Công ty Thái Dương) có một căn nhà khác đối diện với nhà số 2 Nam Tràng là số 1 Lạc Chính, nhà này vợ chồng ông Tuấn, bà Lịch cũng cho Công ty khác cũng có tên Thái Dương thuê làm trụ sở. Khi thừa phát lại và Tổ trưởng dân phố đến tống đạt thì ông Phú - Tổ trưởng đã dẫn sang nhà số 1 Lạc Chính để tống đạt. Nhân viên của Công ty đang thuê nhà ở đó không phải của **Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương** nên họ đã từ chối nhận. Việc Tổ trưởng dân phố xác nhận ông Tuấn thường xuyên vắng nhà là đúng, bởi ông Tuấn thường xuyên làm việc ở nhà máy, hoặc thực hiện Dự án ở Myanmar nên cũng thường xuyên bay sang bên đó làm việc. Chỉ khi Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và dán Quyết định trước cửa nhà số 2 Nam Tràng, thì người giúp việc đến dọn dẹp mới đưa lại cho bà Lịch và ông Tuấn. Ngay sau đó, Công ty Thái Dương đã có các Công văn số 16/CV-TD ngày 25/05/2017 và Công văn ngày 28/05/2017 gửi cho Tòa án nêu ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của Công ty Thái Dương với nội dung: Yêu cầu Công ty Thiên Phúc Vinh đối chiếu công nợ để bù trừ thanh toán công nợ, yêu cầu Công ty Thiên Phúc Vinh trả 261,763kg lõi thép bện theo Hợp đồng số 69); Yêu cầu Công ty Thiên Phúc Vinh phải trả nợ cũ: 551.611.449 đồng (theo Hợp đồng không số ngày 20/11/2013) và có đơn phản tố. Từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố, Bị đơn cũng luôn chấp hành về việc đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa nhưng Nguyên đơn lại vắng mặt không có lý do.Việc Nguyên đơn khởi kiện khi chưa đối chiếu công nợ, chưa thanh lý hợp đồng là lừa dối Bị đơn khi dùng Bản đối chiếu công nợ không được hai bên ký xác nhận để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của Nguyên đơn.

Việc Nguyên đơn chỉ mua nhôm trần nhưng lại chiếm giữ cả số hàng hóa là lõi thép, làm Bị đơn phải mua lại số lõi thép bện để trả cho Tổng công ty Điện lực Miền Nam nên Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải trả số tiền Bị đơn đã bỏ ra mua lại số hàng hóa là đúng quy định.

Bản án KDTMST số 71/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã quyết định:

"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh đối với Công ty cổ phần đầu tư sản xuất tổng hợp Thái Dương về yêu cầu đòi số tiền hàng chênh lệch và tiền lãi theo Hợp đồng kinh tế số 69/2015/SUNCO-TPV ngày 05/12/2015 là 4.070.367.000 đồng (Bốn tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất tổng hợp Thái Dương đối với Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh về yêu cầu đòi khoản tiền nợ còn thiếu theo Hợp đồng không số ngày 20/01/2013 là: 551.611.449 đồng và số tiền hàng là lõi thép bện theo Hợp đồng kinh tế số 69/2015/SUNCO-TPV ngày 05/12/2015 là 5.346.168.983 đồng…. Tổng cộng là: 5.897.780.482 đồng (Năm tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm tám hai đồng).

Đối trừ nghĩa vụ, Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh còn phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần đầu tư sản xuất tổng hợp Thái Dương số tiền: 1.926.872.940 đồng"

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án nêu trên, ngày 15/10/2020 Công ty Thiên Phúc Vinh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn trình bày quan điểm:

Do đã chuyển địa điểm hoạt động nên Công ty Thái Dương không biết và không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, không biết mình đang bị khởi kiện. Từ khi biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty Thiên Phúc Vinh thì Công ty Thái Dương đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của Bị đơn tại Tòa. Đơn phản tố được nộp hợp lệ, đúng quy định. Công ty Thái Dương chấp nhận việc thanh toán trả nợ cho Công ty Thiên Phúc Vinh số tiền mua hàng còn thừa nhưng cũng yêu cầu Công ty Thiên Phúc Vinh phải hoàn trả giá trị của số hàng hóa đã nhận thừa (không có trong hợp đồng mua bán) giữa hai bên. Đối trừ nghĩa vụ, Công ty Thiên Phúc Vinh còn phải thanh toán trả Công ty Thái Dương số tiền 1.926.873.482 đồng. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán: Từ khi thụ lý hồ sơ và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng qui định và yêu cầu chung của phiên tòa phúc thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định tại Điều 51 BLTTDS. Các đương sự đã chấp hành đúng theo qui định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 BLTTDS.

Về thời hiệu nộp đơn phản tố của Bị đơn:

+ Ngày 20/12/2016 Tòa án quận Ba Đình thụ lý đơn khởi kiện của Nguyên đơn và thực hiện các thủ tục tố tụng.

+ Ngày 17/5/2017 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 08/6/2017 Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa do nguyên đơn vắng mặt không có lý do; ngày 31/10/2017 Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa do luật sư của Bị đơn vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin hoãn phiên tòa. Trong thời gian Tòa án tạm ngừng phiên tòa,

ngày 28/5/2017 Bị đơn có văn bản phản hồi trong đó có yêu cầu phản tố. Ngày 28/11/2017 Bị đơn có Đơn phản tố, Tòa án nhận đơn cùng ngày.

Theo khoản 1 Điều 200 của BLTTDS 2015 quy định: "*Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*". Khoản 1 Điều 199 Bộ luật TTDS năm 2015, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, Bị đơn phải nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, kèm theo yêu cầu phản tố (nếu có). Như vậy, căn cứ vào quy định nêu trên thì thời điểm bắt đầu thực hiện quyền phản tố của bị đơn là ngay khi nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án. Theo Bị đơn trình bày, về lý do nộp đơn phản tố muộn nhưng do yếu tố khách quan, việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cả 2 bên đương sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án đầy đủ, toàn diện nên không trái quy định của pháp luật.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Nguyên đơn làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm HĐXX nhận được các tài liệu do Nguyên đơn - Công ty Thiên Phúc Vinh xuất trình bao gồm: Đơn từ chối luật sư Chu Văn Vẻ của người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn; Đơn xin hoãn phiên tòa của ông Trần Anh Tú - Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp mới của Nguyên đơn; Bảng tổng hợp chi phí lô dây cáp nhôm phế liệu của Công ty Thiên Phúc Vinh; Hóa đơn giá trị gia tăng đề tên đơn vị bán hàng là Công ty Thiên Phúc Vinh và bên mua hàng là Công ty Cổ phần Thép Pomina 2.

Xét thấy phiên tòa được mở lại lần này là lần thứ 3, những lần hoãn phiên tòa trước đây đều do Nguyên đơn đề nghị. Yêu cầu xin hoãn phiên tòa của luật sư Tú (Luật sư Nguyên đơn) lần này không thuộc trường hợp bất khả kháng nên HĐXX không chấp nhận, vụ án vẫn được xét xử theo quy định chung.

Xét quan hệ pháp luật của vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: "Yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế" giữa Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh (Nguyên đơn) và Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương (Bị đơn) là đúng quy định của pháp luật.

Theo thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng số 69 thì khi phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa Kinh tế Tòa án Hà Nội nhưng thỏa thuận này là không đúng quy định của pháp luật nên vô hiệu. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bị đơn - Công ty Thái Dương có trụ sở tại số 2 Nam Tràng (186 Trấn Vũ), phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình (Nơi có trụ sở của Bị đơn) thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện khi thời hiệu vẫn còn (Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015), Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

Về việc thụ lý yêu cầu phản tố của Bị đơn, thấy rằng:

Ngày 20/12/2016 Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý đơn khởi kiện của Nguyên đơn và thực hiện các thủ tục tố tụng.

Ngày 17/5/2017 Tòa án ban hành ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Ngày 08/6/2017 Tòa án ban hành Quyết định hoãn phiên tòa với lý do Nguyên đơn vắng mặt; Ngày 31/10/2017 Tòa án ban hành Quyết định hoãn phiên tòa do luật sư của bị đơn vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin hoãn phiên tòa.

+ Ngày 13/11/2017 Tòa án ra quyết định tạm ngừng phiên tòa.

+ Ngày 28/5/2017 Bị đơn có văn bản mang số 16 phản hồi về việc nhận được thông báo mở phiên tòa ngày 08/6/2017 cũng trong văn bản này, Bị đơn có yêu cầu phản tố đối với Nguyên đơn. Đến ngày 28/11/2017 Bị đơn nộp Đơn phản tố, đến Tòa án.

Khoản 1 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*". Khoản 1 Điều 199 Bộ luật TTDS năm 2015, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn phải nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, kèm theo yêu cầu phản tố (nếu có). Như vậy, căn cứ vào quy định nêu trên thời điểm bắt đầu thực hiện quyền phản tố của bị đơn là ngay khi nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án. Khoản 3 Điều 200 Bộ luật TTDS năm 2015 quy định: "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải".*

Giải trình về lý do nộp đơn phản tố muộn, Bị đơn trình bày: Thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Công ty Thái Dương không hoạt động tại số 2 Nam Tràng (186 Trấn Vũ), phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (do cuối năm 2014 Công ty đã chuyển về hoạt động tại nhà máy của Công ty ở địa chỉ: Lô lc L5 Khu công nghiệp, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Khi nguyên đơn khởi kiện đã không thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ cho Bị đơn theo quy định tại khoản 9 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Bị đơn không biết và không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Ngay sau khi biết việc Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Bị đơn đã có văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và nội dung yêu cầu phản tố của mình. Từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố, Bị đơn luôn chấp hành đến Tòa án làm việc.

Xét thấy, mặc dù Đơn yêu cầu phản tố của Bị đơn nộp không đúng thời hạn quy định nhưng trường hợp này được coi là có trở ngại khách quan. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/3/2016 có mục ghi liên quan đến khoản nợ cũ Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn thanh toán có chữ ký của Bị đơn, không có chữ ký của Nguyên đơn, có thời hạn để hai bên phản hồi ý kiến. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự và đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đầy đủ, toàn diện, triệt để, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý Đơn yêu cầu phản tố của Bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- *Xét kháng cáo của Nguyên đơn về thủ tục thụ lý phản tố:*

Như đã nhận định ở phần trên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn yêu cầu phản tố

của Bị đơn sau phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vì lý do khách quan nên việc thụ lý, giải quyết của Cấp sơ thẩm không trái với Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn:*

Hợp đồng kinh tế số 69 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và bảo đảm về điều kiện chủ thể giao kết hợp đồng. Nội dung Hợp đồng có đầy đủ các điều khoản theo quy định. Do đó Hợp đồng là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Trong Hợp đồng số 69 hai bên đã thỏa thuận: Bên A (Công ty Thiên Phúc Vinh), đồng ý mua dây nhôm đã bóc tách sắt và tạp chất... thu hồi của Tổng công ty Điện Lực Miền Nam do bên B (Công ty Thái Dương) trúng thầu; số lượng: 1000 tấn dây nhôm trần; chủng loại và đơn giá: đơn giá 29.000.000 đồng/tấn; Giá trị hợp đồng là: 29.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT); Đơn giá trên cố định, số lượng là tạm tính, số lượng cụ thể căn cứ vào biên bản giao nhận thực tế tại các kho của Tổng công ty Điện Lực Miền Nam kèm theo các chứng từ: Phiếu xuất kho và Biên bản giao nhận; số lượng hàng hóa theo bảng kê chi tiết đính kèm, tỷ lệ quy đổi nhôm trần lõi thép được tính theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 5064 của từng phần để hai bên loại trừ về tỷ lệ quy đổi; Thanh toán, tạm ứng: bên mua tạm ứng cho bên bán 10 tỷ đồng ngay sau khi ký Hợp đồng, số tiền này sẽ cấn trừ vào tiền hàng bên mua nhận từng đợt. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về thời hạn thực hiện; phương thức giao nhận hàng và trách nhiệm của các bên.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/3/2016 Nguyên đơn xuất trình có phần đánh máy mặt trước và phần chữ viết tay mặt sau, biên bản này chỉ có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Thái Dương sau chữ ký viết tay, không có chữ ký và con dấu của Công ty Thiên Phúc Vinh, các mục trong biên bản đối chiếu công nợ còn có những mục chưa hoàn thiện, chưa được hai bên thống nhất, do đó xét hình thức và nội dung thì đây không thể coi là Biên bản đối chiếu công nợ.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại phiên Tòa sơ thẩm, các bên đều xác nhận: Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 69, Công ty Thiên Phúc Vinh đã chuyển khoản số tiền 23.500.000.000đ cho Công ty Thái Dương tổng cộng thể hiện qua 3 lệnh chi: Lệnh chi ngày 09/12/2015, số tiền: 10.000.000.000 đồng; Lệnh chi ngày 10/12/2015, số tiền: 10.000.000.000 đồng; Lệnh chi ngày 23/12/2015, số tiền 3.5000.000.000đ. Công ty Thiên Phúc Vinh đã nhận được 673,417 kg nhôm.

Căn cứ Hợp đồng số 69 giá 1kg nhôm được hai bên thỏa thuận là 29.000 đồng/kg. Giá trị của 673,417 kg (nhôm) là 673,417 kg x 29.000 đ/kg = 19.529.080.438đ. Như vậy số tiền chệnh lệch mà Công ty Thái Dương còn thiếu 3.970.920.000đ.

Ngoài ra cả hai bên đương sự còn xác nhận khoản tiền nợ lãi là: 99.460.000 đồng theo lãi suất Ngân hàng 10%/năm tính từ ngày 23/12/2015. Tổng số tiền hàng chênh lệch mà Công ty Thái Dương còn nợ Công ty Thiên Phúc Vinh và số tiền nợ lãi: 3.970.907.000 đồng + 99.460.000 đồng = 4.070.367.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bị đơn phải thanh toán trả Nguyên đơn số tiền hàng chênh lệch và số tiền lãi tính đến ngày 14/3/2016 là: 4.070.379.562 đồng là có căn cứ.

Tại phiên sơ thẩm ngày 29/9/2020, Nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tính lãi đối với khoản tiền mà Bị đơn chưa thanh toán từ thời điểm hai

bên chốt công nợ cho đến ngày Tòa án xét xử là 10 % năm nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét do vượt quá yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

- *Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:*

+ Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải trả 261,763 kg lõi thép bện với trị giá là: 261,763kg x 18.567đ/kg = 5.346.168.983đ. Nguyên đơn cho rằng số lõi thép bện không được hai bên thỏa thuận nhắc tới trong Hợp đồng số 69 nên không trả. Tuy nhiên xét thấy trong Hợp đồng mua bán, các bên đã thỏa thuận Công ty Thiên Phúc Vinh chỉ mua dây nhôm (đã bóc tách sắt và tạp chất), các hàng hóa khác không phải là hàng hai bên thỏa thuận mua bán. Do đó Nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn số lõi thép bện là hoàn toàn có căn cứ. Nguyên đơn trình bày số lõi thép bện này Nguyên đơn không còn lưu giữ và đã chuyển nhượng cho bên Công ty thứ 3, nên không còn hàng hóa để định giá giá trị số lõi thép bện này.

Tại cấp sơ thẩm, Bị đơn đã cung cấp Hóa đơn GTGT số 0001025 ngày 03/10/2016 để làm căn cứ đề nghị Tòa án xem xét giá mua bán lõi thép bện tại thời điểm năm 2016. Theo Hóa đơn GTGT số 0001025 ngày 03/10/2016 thì giá trị 1kg lõi thép bện là 18.567đ/kg. Tại cấp phúc thẩm, Nguyên đơn cung cấp Hóa đơn GTGT số 0000132 ngày 16/3/2016 và đề nghị Tòa án xem xét lại giá trị mua bán lõi thép bện bán ra thị trường. Nguyên đơn cho rằng Hóa đơn GTGT số 0001025 do Bị đơn xuất trình không có giá trị vì hàng hóa trong hóa đơn này là lõi thép bện thành phẩm mới 100%, không phải là thép phế liệu bóc tách từ dây cáp điện mua bán thanh lý.

Xét thấy, Hóa đơn GTGT số 0000132 ngày 16/3/2016 chỉ thể hiện giá mua bán sắt phế liệu, không phải lõi thép bện. Ngoài ra, nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh về giá trị mua bán lõi thép bện.

Do đó chứng cứ do Bị đơn xuất trình là hóa đơn GTGT số 0001025 ngày 03/10/2016 có căn cứ để chấp nhận yêu cầu về giá mà Bị đơn trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Nguyên đơn phải thanh toán cho Bị đơn 261,763 x 18.567đ/kg = 5.346.168.983đ là hợp lý.

+ Bị đơn cho rằng, căn cứ Hợp đồng kinh tế không số ngày 20/01/2013, Nguyên đơn còn nợ Bị đơn 551.611.449 đồng, số tiền này đã được hai bên đối chiếu công nợ (ngày 29/8/2014), Bị đơn đã gửi văn bản đề nghị thanh toán cho Nguyên đơn trực tiếp vào email của người đại diện theo pháp luật của Công ty Thiên Phúc Vinh. Do vậy ngày 14/3/2016, khi hai bên gặp gỡ để làm việc đối chiếu công nợ, Bị đơn đã ghi về khoản nợ này để yêu cầu Nguyên đơn thanh toán dứt điểm. Nguyên đơn thì cho rằng khoản nợ 551.611.449đ của Hợp đồng kinh tế ngày 20/01/2013 không nằm trong nội dung yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Tòa không xem xét giải quyết và khoản nợ này Nguyên đơn đã tất toán nên không còn tài liệu lưu giữ để chứng minh.

Xét thấy: Nguyên đơn cho rằng khoản nợ này được tất toán nhưng Nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn buộc nguyên đơn phải thanh toán trả số tiền còn nợ 551.611.449đ, Bị đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền chậm trả này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Như vậy Công ty Thiên Phúc Vinh phải có nghĩa vụ trả Công ty Thái Dương số tiền lõi thép bện và số tiền theo Hợp đồng kinh tế không số ngày 20/01/2013. Tổng cộng là: 5.346.168.983đ + 551.611.449đ = 5.897.780.432đ.

Đối trừ nghĩa vụ do Công ty Thái Dương còn nợ Công ty Thiên Phúc Vinh theo Hợp đồng kinh tế số 69 số tiền 4.070.367.000 đồng thì Công ty Thiên Phúc Vinh còn phải trả cho Công ty Thái Dương số tiền 5.897.780.432đ - 4.070.367.000đ = 1.827.413.432đ.

Do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên Công ty Thiên Phúc Vinh phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của HĐXX.

Từ những nhận định trên

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 71/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh về việc đòi số tiền hàng chênh lệch và tiền lãi theo Hợp đồng kinh tế số 69/2015/SUNCO-TPV ngày 05/12/2015.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương phải thanh toán trả Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh 4.070.367.000đ *(Bốn tỷ, không trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).*

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương đối với Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh về yêu cầu đòi khoản tiền nợ còn thiếu theo Hợp đồng không số ngày 20/01/2013 là: 551.611.449đ và số tiền trị giá lõi thép bện Công ty đã nhận là 5.346.168.983đ. Tổng cộng hai khoản là: 5.897.780.432đ *(Năm tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, bốn trăm ba hai đồng).*

Đối trừ nghĩa vụ, Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh còn phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương số tiền là 1.827.413.432đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2020) người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo quy định tại định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thanh toán.

3. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh phải chịu 113.897.780 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 08750 ngày 16/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh còn phải tiếp tục nộp 57.897.780 đồng *(Năm mươi bảy triệu, tám trăm chín bảy nghìn, bảy trăm tám mươi đồng).*

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương phải chịu 112.070.367 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 07879 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Tổng hợp Thái Dương còn phải tiếp tục nộp 56.070.367 đồng *(Năm mươi sáu triệu, không*

trăm bảy mươi nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

- Về án phí phúc thẩm:

Công ty TNHH MTV Thiên Phúc Vinh phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0024938 ngày 05/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Lưu HS/VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Hạnh